

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN HAT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN HAT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAT REAL ESTATE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HAT REAL ESTATE JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110180852

**3. Ngày thành lập:** 14/11/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 18 Phố Hàng Cháo, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0944888397

Fax:

Email: batdongsan.hat@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                            | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                   | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                   | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                              | 4390        |
| 5.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                           | 4620        |
| 6.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                                   | 4631        |
| 7.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                               | 4632        |
| 8.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4633        |
| 9.  | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                                                                                                                                                                                                                            | 4634        |
| 10. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                             | 4641        |
| 11. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                               | 4649        |
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                  | 4659        |
| 13. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                        | 8230        |
| 14. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết:<br>– Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở<br>– Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở<br>– Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở<br>– Kinh doanh bất động sản khác | 6810(Chính) |
| 15. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7310        |
| 16. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                         | 7320        |

|     |                                                                                                                      |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                    | 4690 |
| 18. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4711 |
| 19. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                   | 4719 |
| 20. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                     | 4781 |
| 21. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                             | 4782 |
| 22. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ                                                                           | 4789 |
| 23. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm: Đấu giá bán lẻ qua internet)                 | 4791 |
| 24. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm: Đấu giá ngoài cửa hàng (bán lẻ))                        | 4799 |
| 25. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                    | 4101 |
| 26. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                              | 4102 |
| 27. | Phá dỡ                                                                                                               | 4311 |
| 28. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                    | 4312 |
| 29. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                | 4321 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 500.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông               | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                  | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN THU<br>TRANG       | Số 7 ngách<br>178/80 Chợ<br>Khâm Thiên,<br>Phường Trung<br>Phụng, Quận<br>Đống Đa, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 200.000       | 2.000.000.000            | 40,000       | 0251900014<br>89                                                                                                       |            |
|     |                           |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                     | Tổng số                            | 200.000       | 2.000.000.000            | 40,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                     |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | ĐINH THỊ<br>XUÂN<br>HUƠNG | Khu 2B, Phường<br>Nông Trang,<br>Thành phố Việt<br>Trì, Tỉnh Phú<br>Thọ, Việt Nam                                   | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 100.000       | 1.000.000.000            | 20,000       | 130744302                                                                                                              |            |
|     |                           |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                     | Tổng số                            | 100.000       | 1.000.000.000            | 20,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                     |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |              |                                                                                                |                           |         |               |        |              |
|---|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | BÙI TUẤN ANH | Số 7 ngách 178/80 Chợ Khâm Thiên, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 200.000 | 2.000.000.000 | 40,000 | 040085001349 |
|   |              |                                                                                                | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                                | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                                | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                                | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                                | Tổng số                   | 200.000 | 2.000.000.000 | 40,000 |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THU TRANG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 02/07/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 025190001489

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 7 ngách 178/80 Chợ Khâm Thiên, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 7 ngách 178/80 Chợ Khâm Thiên, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội